

Số: 374/2018/QĐST-HNGĐ

Cầu Giấy, ngày 28 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 515/2018/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

- **Anh Phạm Văn T**, sinh năm 1986

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang làm việc tại: Công ty Luật TNHH A, địa chỉ: P02, tầng 1, nhà A13, Tập thể H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

- **Chị Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 20/9/2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 20/9/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam ngày 13/3/2009. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh T và chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn; anh T hiện đang làm việc tại Công ty Luật TNHH A, địa chỉ: P02, tầng 1, nhà A13, Tập thể H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội nên anh T và chị Đ cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân quận C công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

2.2. Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Đ có 01 con chung là: cháu Phạm Hoàng A (nam), sinh ngày 21/5/2010. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hoàng A. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.3. Về tài sản (động sản, bất động sản): Anh T và chị Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ: Anh T và chị Đ cùng xác nhận không có khoản vay nợ chung nào cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn T nộp cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006319 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Chu Tuấn Anh

